SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP.Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1280 /2020/KQTN-XN Ngày trả kết quả: 17/11/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: N06/22/10/20
Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại vòi phát
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác.
Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần phát triển Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ds Vũ Minh Tân - Khoa xét nghiệm CĐHA & TDCN - Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Yêu cầu thử nghiệm: 26 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<1,0[a]
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,24
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,99
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007[b]
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,70
7.	Hàm lương Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,028[b]
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 [b]
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,1 [b]
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0006 [b]
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	<0,5[a]
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	7,09
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0007 [b]
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05[b]
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	74,4

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
16.	Hàm lượng Fluorid(*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,121
17.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033(b)
18.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)
19.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	9,33
20.	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,76
21.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,016(b)
22.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,04(a)
23.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	20,6
24.	Hàm lượng sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,02(b)
25.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112:2017	mg/L	<0,0007(b)
26.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	80,0

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Coliforms(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH

Ghi chú: KPH - Không phát hiện:
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliforms}$: 01 CFU/100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP.Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1281 /2020/KQTN-XN Ngày trả kết quả: 17/11/2020

VILAS 629

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: N07/22/10/20
Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại GĐ Ông Nguyễn Văn Phương - Bắc Sơn - Vũ Ninh - KX
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác.
Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần phát triển Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ds Vũ Minh Tân - Khoa xét nghiệm CĐHA & TDCN - Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Yêu cầu thử nghiệm: 26 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<1,0[a]
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,28
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,71
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007[b]
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,50
7.	Hàm lương Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,028[b]
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 [b]
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,1 [b]
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0006 [b]
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,544
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	6,67
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0007 [b]
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05[b]
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	74,4

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
16.	Hàm lượng Fluorid(*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,132
17.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033(b)
18.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)
19.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	8,90
20.	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,80
21.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,016(b)
22.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,04(a)
23.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	21,4
24.	Hàm lượng sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,02(b)
25.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112:2017	mg/L	<0,0007(b)
26.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	136,0

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Coliforms(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH

Ghi chú: KPH - Không phát hiện:
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliforms}$: 01 CFU/100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP.Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1282 /2020/KQTN-XN Ngày trả kết quả: 17/11/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt
Nhận diện mẫu: N08/22/10/20
Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại GĐ Ông Nguyễn Công Phú - Đô Lương - Vũ An - KX
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác.
Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần phát triển Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ds Vũ Minh Tân - Khoa xét nghiệm CĐHA & TDCN - Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Yêu cầu thử nghiệm: 26 chỉ tiêu hóa lý và 04 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	<1,0[a]
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,25
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,86
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,0007[b]
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2011	mg/L	0,50
7.	Hàm lương Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,028[b]
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0016 [b]
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,1 [b]
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0006 [b]
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,584
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	6,81
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,0007 [b]
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,05[b]
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	75,2

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
16.	Hàm lượng Fluorid(*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,115
17.	Hàm lượng. Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,033(b)
18.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)
19.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	9,96
20.	Hàm lượng Nitrat(*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,81
21.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,016(b)
22.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,04(a)
23.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	21,6
24.	Hàm lượng sunfua	SMEWW4500 : 2017	mg/L	<0,02(b)
25.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112:2017	mg/L	<0,0007(b)
26.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	120,0

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Coliforms(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH

Ghi chú: KPH - Không phát hiện:
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliforms}$: 01 CFU/100ml

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*